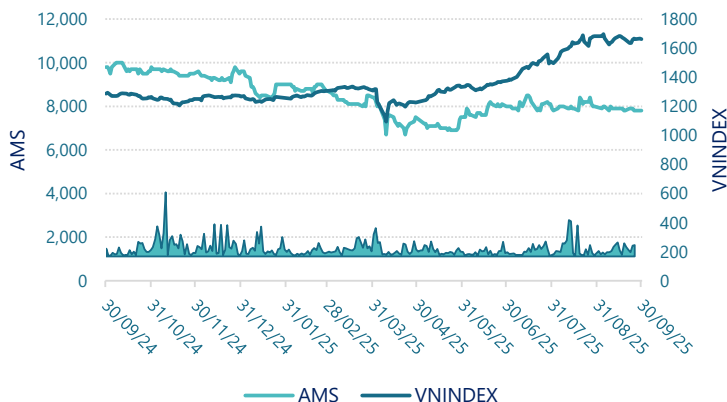




CTCP Cơ khí Xây dựng AMECC (UPCOM: AMS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	7,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,700
SL cổ phiếu LH	60,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	84,665
% sở hữu nước ngoài	35.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	468
P/E	12.9
EPS	606

DT thuần

Q3/25

630

tỷ VNĐ

QoQ: ▼431 | -40.7%

YoY: ▲ 2.00 | 0.3%

LN sau thuế

Q3/25

7.54

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.56 | -55.9%

YoY: ▼5.96 | -44.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.1%

+/- YoY: ▼ 1.5%

DT thuần

9T 2025

2,244

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 137 | 6.5%

LN sau thuế

9T 2025

33.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼18.3 | -35.8%

ROE

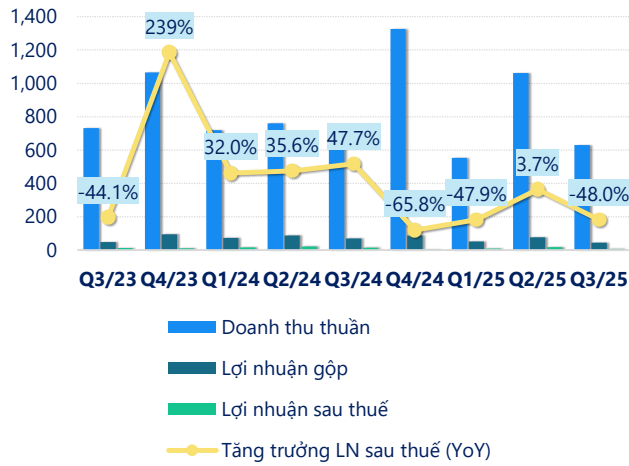
Q3/25

4.4%

+/- YoY: ▼ 3.3%

tỷ VNĐ

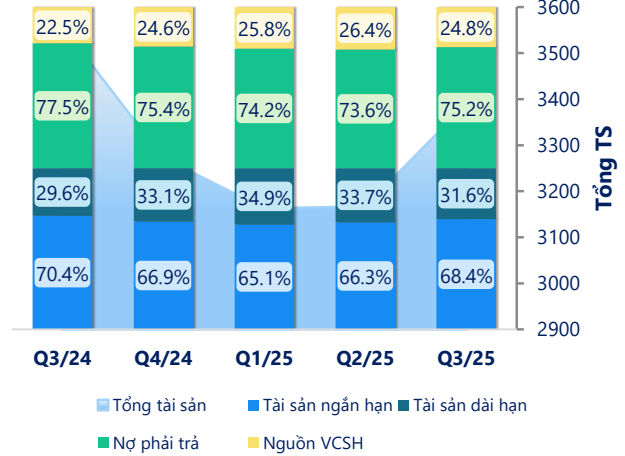
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

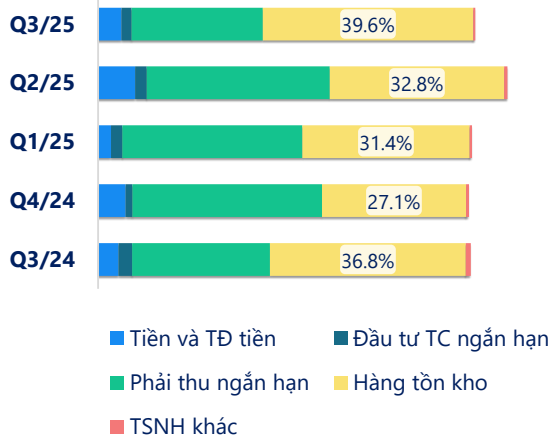
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



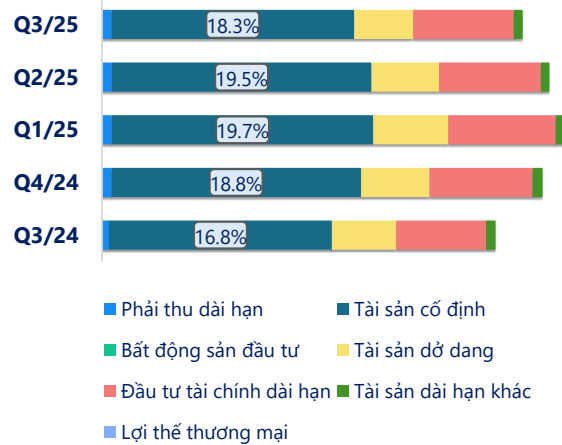
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

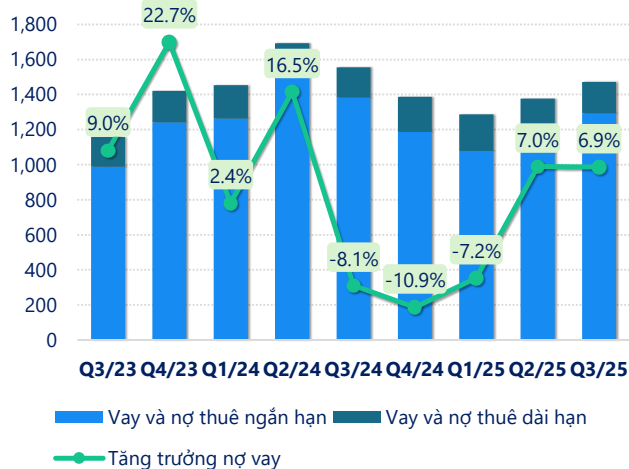
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

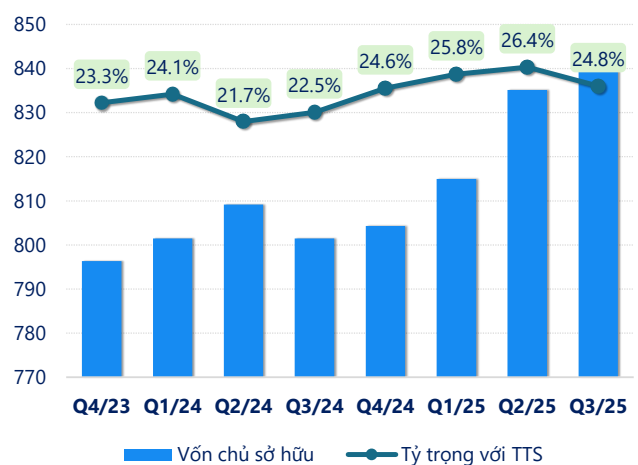
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

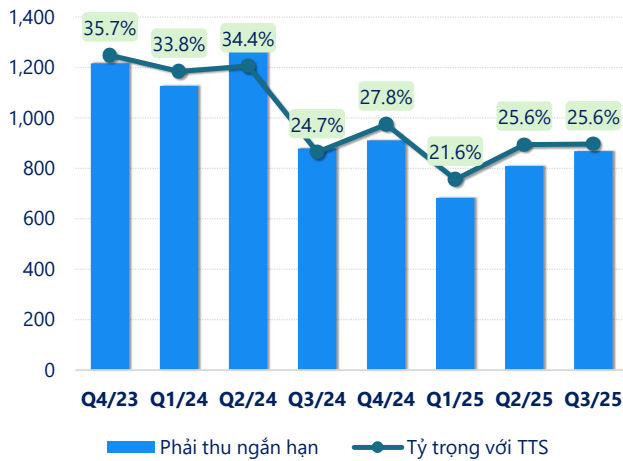
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



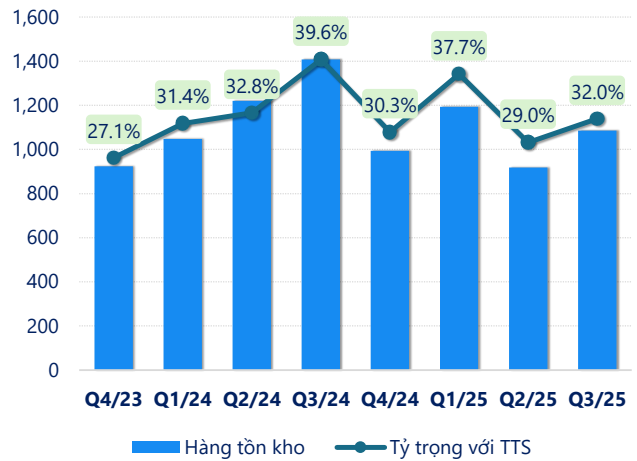
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


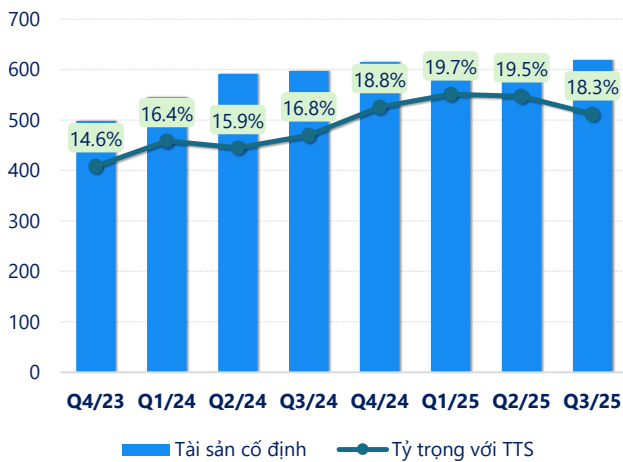
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


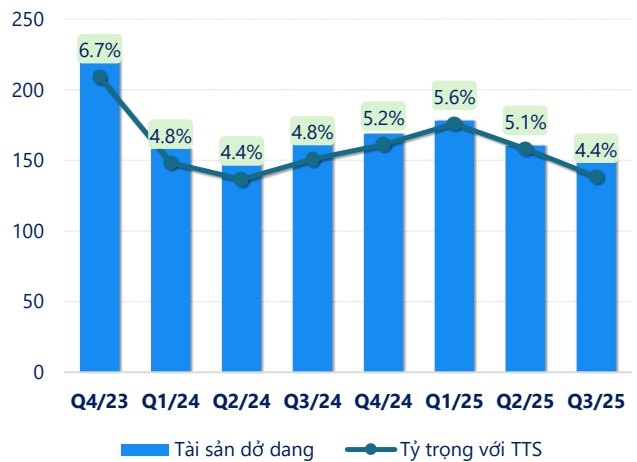
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

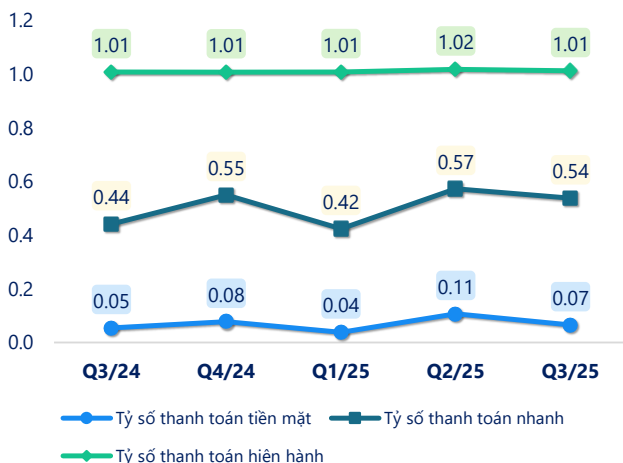
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

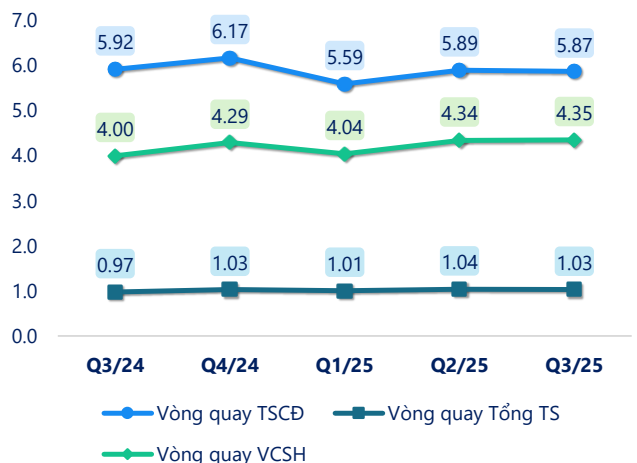
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	3,558	3,273	3,163	3,167	3,389
Tài sản ngắn hạn	2,505	2,188	2,058	2,101	2,317
Tiền và tương đương tiền	136	169	77.4	221	149
Đầu tư tài chính ngắn hạn	67.0	81.4	71.1	114	137
Phải thu ngắn hạn	879	911	683	810	868
Hàng tồn kho	1,408	993	1,193	919	1,086
Tài sản ngắn hạn khác	14.9	34.0	33.0	38.5	77.9
Tài sản dài hạn	1,053	1,085	1,105	1,066	1,072
Phải thu dài hạn	18.4	22.9	23.2	23.2	23.8
Tài sản cố định	597	615	623	619	619
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	172	169	178	160	150
Đầu tư tài chính dài hạn	240	254	255	242	257
Tài sản dài hạn khác	25.2	24.6	25.7	20.8	22.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,756	2,469	2,348	2,332	2,550
Nợ ngắn hạn	2,485	2,172	2,041	2,064	2,290
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,382	1,187	1,078	1,189	1,292
Phải trả người bán ngắn hạn	424	403	475	413	315
Nợ dài hạn	271	296	306	268	260
Vay và nợ thuê dài hạn	174	200	210	188	181
Nguồn vốn chủ sở hữu	801	804	815	835	839
Vốn chủ sở hữu	801	804	815	835	839
Vốn điều lệ	600	600	600	600	600
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)